

Số: 388/2025/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 08 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 192/2025/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1982.

Số CCCD: 036182015276 cấp ngày 28/02/2022.

Cư trú: tổ A, khu phố E, phường T, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Nguyễn Hữu N1**, sinh năm: 1980

Số CCCD: 038080018473 cấp ngày 04/7/2022.

Đăng ký thường trú: Giang H, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên hệ: tổ A, xóm G Ký, xã L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Hữu N1 tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 136 ngày 14/8/2007.

Nay ông Nguyễn Hữu N1 và bà Trần Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có 02 người con chung cháu Nguyễn Hữu A, sinh ngày 26/9/2007 và cháu Nguyễn Hải A1, Sinh ngày 30/10/2012. Ly hôn, ông N1, bà N thống nhất giao các con chung là cháu Hữu A và cháu Hải A2

cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông N1, bà N phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu N1 và bà Trần Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Nguyễn Hữu A, sinh ngày 26/9/2007 và cháu Nguyễn Hải A1, Sinh ngày 30/10/2012 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hữu N1 không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị N, ông Nguyễn Hữu N1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000208 ngày 19/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà N, ông N1 đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- THADS khu vực 1 - Đồng Nai (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt